

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 -7 - 2023

V/v Không công nhận vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Sơn

Bà H' Gun Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà HĐok Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H'Ñ, sinh năm 1983- Có mặt.

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Y D Niê, sinh năm 1978- Có mặt.

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà H'Ñ trình bày:**

Bà H'Ñ và ông Y D Niê tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không khắc phục được. Bà H'Ñ và ông Y D không còn sống chung từ năm 2018

đến nay. Nhận thấy tình cảm với ông Y D không còn, nên bà H'Ñ yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với ông Y D Niê.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung cháu Y X Byă, sinh ngày 08/02/2002, cháu H Y Byă, sinh ngày 07/6/2008 và cháu Y Q Byă, sinh ngày 05/3/2016

Bà H'Ñ có nguyện vọng, sau khi toà án không công nhận vợ chồng thì bà xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H Y Byă, sinh ngày 07/6/2008 và cháu Y Q Byă, sinh ngày 05/3/2016 cho đến lúc cháu tròn 18 tuổi.

Còn cháu Y X Byă, sinh ngày 08/02/2002 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Y D Niê trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn và con chung như bà H'Ñ trình bày là hoàn toàn đúng cụ thể:

Ông Y D Niê và bà H'Ñ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật do thiếu hiểu biết. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống gia đình không còn hòa hợp, thường xuyên bất hòa, không tôn trọng nhau và không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay.

Nay bà H'Ñ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng thì ông Y D Niê đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống có 3 con chung là: cháu Y X Byă, sinh ngày 08/02/2002; cháu H Y Byă, sinh ngày 07/6/2008; cháu Y Q Byă, sinh ngày 05/3/2016.

Hiện nay cháu Y X Byă đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu H Y Byă, sinh ngày 07/6/2008; cháu Y Q Byă, sinh ngày 05/3/2016, thì đề nghị giao cho bà H'Ñ chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có tài sản gì chung.

Về nợ chung: Không nợ gì ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Không đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự, gửi chậm 06 ngày.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H'N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà H'N và ông Y D Niê là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Giao cháu H Y Byă, sinh ngày 07/6/2008 và cháu Y Q Byă, sinh ngày 05/3/2016 cho bà H'N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà H'N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Riêng cháu Y X Byă, sinh ngày 08/02/2002 đã trên 18 tuổi, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà H'N đề ngày 23/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xác định quan hệ pháp luật "*Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*" được quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 28 của BLTTDS.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà H'N làm đơn khởi kiện, bị đơn ông Y D Niê cư trú tại Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà H'N và bị đơn ông Y D Niê đều thừa nhận đã thực hiện việc chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó, bà H'N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H'N và ông Y D Niê là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Y D Niê và bà H' N Byă có 03 người con chung: cháu Y X Byă, sinh ngày 08/02/2002, cháu H Y Byă, sinh ngày 07/6/2008 và cháu Y Q Byă, sinh ngày 05/3/2016

Ông Y D Niê và H'N thỏa thuận giữa trên nguyện vọng của cháu H Y Byă và cháu Y Q Byă. Giao cháu H Y Byă và cháu Y Q Byă cho bà H'N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung là đảm bảo đúng quy định pháp luật, nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của ông Y D Niê và bà H'N để giao cháu H Y Byă và cháu Y Q Byă cho bà H'N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà H'N không yêu cầu ông Y D Niê phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu H Y Byă và cháu Y Q Byă, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Còn cháu Y X Byă đã trưởng thành, phát triển bình thường đã trên 18 tuổi cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H'N và ông Y D Niê không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Bà H'N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H'N.

Tuyên bố: Không công nhận bà H'N và ông Y D Niê là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Giao cháu H Y Byă, sinh ngày 07/6/2008 và cháu Y Q Byă, sinh ngày 05/3/2016 cho bà H'N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Y D Niê được quyền đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản thực hiện quyền này. Tuy nhiên, ông Y D Niê không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà H'N không yêu cầu ông Y D Niê phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu H Y Byă, sinh ngày 07/6/2008 và cháu Y Q Byă, sinh ngày 05/3/2016, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Riêng cháu Y X Byă, sinh ngày 08/02/2002 đã trên 18 tuổi, cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà H'N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0015437 ngày 27/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn bà H'N, bị đơn ông Y D Niê có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND huyện Krông Ana;
- VKSND huyện Krông Ana;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
-;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Anh Hùng